TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST Ngày 26-02-2020 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Thiên Nga

Bà Hà Thị Mão

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lương Thị Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Tô Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 527/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu H; nơi cư trú: Đường T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Bảo T; ĐKHKTT: Đường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng hiện đang thi hành án tại Cục C10 huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ dân sự ly hôn ngày 04/12/2019, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012, chị Trần Thị Thu H và anh Trần Bảo T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, quận L, thành phố Hải Phòng ngày 26/9/2012. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T vi phạm pháp luật và bị kết án 15 năm tù. Anh T đã đi chấp hành án tại Cục C10 huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa từ năm 2016 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi không còn liên quan về tình cảm cũng như về kinh tế từ năm 2016. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hậu.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị H và anh T có một con chung là Trần Bảo H, sinh ngày 22/6/2012. Khi ly hôn, chị H đề nghị được nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Bảo T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có quan điểm thể hiện trong bản tự khai như sau:

Anh và chị Trần Thị Thu H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận L, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Năm 2016, anh T vi phạm pháp luật và bị kết án 15 năm tù. Anh T đã đi chấp hành án tại Đội 6 phân trại số 2, trại giam số 5, Cục C10 huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa từ năm 2016 cho đến nay. Kể từ ngày đi thi hành án, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không nghe lời khuyên của gia đình, để chị H phải một mình vất vả chăm sóc gia đình và con cái. Nay anh T xác định tình cảm đối với chị H không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Thu H. Anh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có một con chung là Trần Bảo H, sinh ngày 22/6/2012. Anh đồng ý để chị H nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Anh T và chị H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều

40 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Trần Bảo T. Về con chung: Giao con chung là Trần Bảo Hân, sinh ngày 22/6/2012 cho chị H nuôi, việc cấp dưỡng nuôi con chị Hà không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Trần Bảo T có nơi cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là anh Trần Bảo T hiện đang chấp hành án tại Đội 6 phân trại số 2, trại giam số 5, Cục C10 huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Điều kiện và quá trình kết hôn như chị H đã trình bày, hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Năm 2016, anh T vi phạm pháp luật và bị kết án 15 năm tù. Anh T đã đi chấp hành án tại Đội 6 phân trại số 2, trại giam số 5, Cục C10 huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa từ năm 2016 cho đến nay. Kể từ ngày đi thi hành án, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không nghe lời khuyên của gia đình, để chị H phải một mình vất vả chăm sóc gia đình và con cái. Tòa án xét thấy, vì khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con:

[4] Chị H và anh T có một con chung là Trần Bảo Hân, sinh ngày 22/6/2016. Tòa án xét thấy, anh Trần Bảo T đang chấp hành án tại Cục C10 huyện Yên Định,

tỉnh Thanh Hóa, cháu Trần Bảo H vẫn sống chung với chị H và cháu được đảm bảo điều kiện chăm sóc, dạy bảo. Vì vậy, giao con chung cho chị H nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình thực tế cũng như nguyện vọng của cháu Hân. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về việc chia tài sản:

[5] Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[6] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; các điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 207; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Trần Bảo T.

2. Về việc nuôi con:

Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Bảo T có một con chung là Trần Bảo H, sinh ngày 22/06/2012. Giao con Trần Bảo Hân cho chị H trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản:

Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu chia tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006202 ngày 23 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Trần Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Bảo T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Trại Cau, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Phương